

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN G  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 258/2022/DS-ST

Ngày: 15-8-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

Bà Trần Thị Bích Thuận

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Lê Quỳnh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa:*** Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 309/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP S G Thương T; Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, đường Nam Kỳ Khởi N, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Đức T; Địa chỉ: Lầu 8, ường Nam Kỳ Khởi N, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2020. (Vắng mặt)

***- Bị đơn:*** Ông Trương Minh Q, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số A đường Lê Đức T, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S G Thương T trình bày:*

Ngày 25/6/2012, ông Trương Minh Q có ký với Ngân hàng TMCP S G Thương T (gọi tắt là ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng – được gọi chung là hợp đồng); hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,5%/tháng.

Ông Q đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 119.230.000 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất ngân hàng áp dụng từng thời điểm khác nhau theo Điều 22 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Ông Q phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 24 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

Quá trình sử dụng thẻ, từ khi kích hoạt ông Q đã thanh toán cho ngân hàng 124.697.000 đồng, số tiền thanh toán được áp dụng theo thứ tự sau (Điều 20 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng):

- Các khoản phí, lãi của kỳ trước;
- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;
- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;
- Các khoản phí, lãi trong kỳ;
- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;
- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Q vẫn không có thiện chí trả nợ, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

Ngày 23/9/2018, ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, dư nợ là 5.068.296 đồng chuyển thành nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Tính đến ngày 15/8/2022, ông Q còn nợ gốc 5.068.296 đồng, lãi quá hạn là 9.014.705 đồng (lãi suất  $2,5\% \times 150\% = 3,75\%$ /tháng), tổng cộng 14.083.001 đồng.

Ngân hàng yêu cầu ông Q phải thanh toán số nợ 14.083.001 đồng và phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 16/8/2022 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Toà án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án

ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham dự phiên tòa đối với bị đơn là ông Q nhưng ông Q đều vắng mặt, không có lý do.

Do ông Q vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông T vắng mặt (có đơn xin vắng mặt) và bị đơn ông Q vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S G Thương T khởi kiện ông Trương Minh Q phải trả số tiền còn nợ, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Nguyên đơn khởi kiện ông Q, theo kết quả xác minh của Công an Phường B, quận G thì ông Q thường trú tại Lê Đức T, Phường B, quận G, tạm trú tại 26 Lê Duy N, Phường Y, quận Tân B, theo kết quả xác minh của Công an Phường Y, quận Tân Bình, tại địa chỉ 26 Lê Duy N không có ai tên Trương Minh Q tạm trú.

Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông T có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận G tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Q theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 của

Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Q đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng yêu cầu ông Q thanh toán ngay số tiền nợ tính đến hết ngày 15/8/2022 là 14.083.001 đồng, trong đó nợ gốc 5.068.296, nợ lãi quá hạn 9.014.705 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 25/6/2012, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng); cùng lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông Q, hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,5%/tháng.

Ông Q đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 119.230.000 đồng. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, ngày 23/9/2018 ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ, dư nợ 5.068.296 đồng chuyển thành nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại theo Điều 23 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng là 3,75%/tháng. Tính từ ngày 23/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/8/2022, tiền lãi quá hạn là 9.014.705 đồng. Do đó, ngân hàng yêu cầu ông Q phải thanh toán số nợ 14.083.001 đồng, trong đó nợ gốc 5.068.296 đồng, nợ lãi quá hạn 9.014.705 đồng là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Ngân hàng yêu cầu ông Q còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh từ ngày 16/8/2022 trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bị đơn ông Q phải chịu là:  $5\% \times 14.083.001\text{đ} = 704.150$  đồng.

[4] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 4, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Luật phí và lệ phí;

Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

### 1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Ông Trương Minh Q có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S G Thương T số tiền nợ 14.083.001 (mười bốn triệu không trăm tám mươi ba ngàn lẻ một) đồng, trong đó nợ gốc 5.068.296 (năm triệu không trăm sáu mươi tám ngàn hai trăm chín mươi sáu) đồng, nợ lãi quá hạn 9.014.705 (chín triệu không trăm mười bốn ngàn bảy trăm lẻ năm) đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng ngày 25/6/2012) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 16/8/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/6/2012.

### 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S G Thương T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0047344 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trương Minh Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 704.150 (bảy trăm lẻ bốn ngàn một trăm năm mươi) đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hồng Cúc**